

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ VIÊNG LÁN**

Số: 148/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Viêng Lán, ngày 23 tháng 6 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thực hiện Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001: 2015 tại Ủy ban nhân dân xã Viêng Lán

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VIÊNG LÁN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/03/2014 của Thủ tướng Chính Phủ về việc về việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 101/QĐ-BKHCN ngày 21/01/2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố Mô hình khung hệ thống quản lý chất lượng TCVN ISO 9001:2015;

Căn cứ Quyết định số 132/QĐ-UBND ngày 25/5/2021 của ủy ban nhân dân xã Viêng Lán, về việc ban hành và áp dụng Hệ thống tài liệu quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015;

Căn cứ vào hoạt động hành chính Nhà nước tại Ủy ban nhân dân xã Viêng Lán;

Xét đề nghị của Ban chỉ đạo ISO xã Viêng Lán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Hệ thống quản lý chất lượng TCVN ISO 9001:2015 phù hợp Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015 theo quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/03/2014 của Thủ tướng Chính Phủ về việc về việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước.

Điều 2. Toàn thể cán bộ, công chức người lao động thuộc Ủy ban nhân dân xã có trách nhiệm tổ chức thực hiện tốt Hệ thống quản lý chất lượng TCVN ISO 9001: 2015 tại Ủy ban nhân dân xã Viêng Lán.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Văn phòng HĐND-UBND xã, Ban chỉ đạo ISO, cán bộ, công chức thuộc Ủy ban nhân dân xã chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Tuấn Anh

PHỤ LỤC CÔNG BỐ CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG
CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN TCVN ISO 9001:2015
(Ban hành kèm theo Quyết định số 148/QĐ-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2021
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã)

STT	Tên tài liệu
TÀI LIỆU CHUNG CỦA HỆ THỐNG	
QUY TRÌNH NỘI BỘ	
1	Quy trình quản lý văn bản đi và đến
2	Quy trình xem xét của lãnh đạo
3	Quy trình tiếp nhận và trả kết quả
QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	
I.	LĨNH VỰC GIÁO DỤC (05 QT)
1.	Quy trình cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học.
2.	Quy trình thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập.
3.	Quy trình sáp nhập, chia, tách nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập
4.	Quy trình giải thể nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập).
5.	Quy trình cho phép nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập hoạt động giáo dục trở lại
II.	LĨNH VỰC NỘI VỤ (15 QT)
6.	Quy trình đăng ký hoạt động tín ngưỡng.
7.	Quy trình đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng
8.	Quy trình đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung
9.	Quy trình thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã
10.	Quy trình thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã
11.	Quy trình đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung
12.	Quy trình đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã

13.	Quy trình đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã khác
14.	Quy trình thông báo về việc thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung
15.	Quy trình thông báo tổ chức quyên góp trong địa bàn một xã của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc
16.	Quy trình tặng giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thực hiện nhiệm vụ chính trị
17.	Quy trình tặng giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích thi đua theo đợt hoặc chuyên đề
18.	Quy trình tặng giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích đợt xuất
19.	Quy trình tặng giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã cho gia đình
20.	Quy trình tặng danh hiệu lao động tiên tiến
III	LĨNH VỰC VĂN HÓA THỂ THAO VÀ DU LỊCH (03 QT)
21.	Quy trình xét tặng gia đình văn hóa hàng năm
22.	Quy trình tặng Giấy khen gia đình văn hóa
23.	Quy trình thông báo tổ chức lễ hội cấp xã
24.	Quy trình đăng kí thư viện tư nhân có vốn sách ban đầu từ 500 bản đến dưới 1.000 bản
25.	Quy trình công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở
VI	LĨNH VỰC LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI (23 QT)
26.	Quy trình áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em
27.	Quy trình chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em
28.	Quy trình phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt
29.	Quy trình đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em
30.	Quy trình thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em
31.	Quy trình chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế
32.	Quy trình giải quyết chế độ mai táng phí đối với Cựu chiến binh
33.	Quy trình giải quyết chế độ mai táng phí đối với thanh niên xung phong thời kỳ chống pháp

34.	Quy trình giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Campuchia
35.	Quy trình Quyết định quản lý cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình
36.	Quy trình Quyết định quản lý cai nghiện ma túy tự nguyện tại cộng đồng
37.	Quy trình đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn
38.	Quy trình xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật
39.	Quy trình đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật
40.	Quy trình công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo phát sinh trong năm
41.	Quy trình công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trong năm
42.	Quy trình thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng
43.	Quy trình chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh
44.	Quy trình hỗ trợ người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động hoặc nghỉ việc không hưởng lương do đại dịch Covid-19
45.	Quy trình hỗ trợ người lao động vay vốn để trả lương ngừng việc đối với người lao động phải ngừng do đại dịch Covid-19
46.	Hỗ trợ hộ kinh doanh phải tạm ngừng kinh doanh do đại dịch COVID-19
47.	Hỗ trợ người lao động do bị chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc do đại dịch COVID-19
48.	Hỗ trợ người lao động không có giao kết hợp đồng lao động bị mất việc làm do đại dịch COVID-19
V	LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT (08 QT)
49.	Quy trình thẩm định phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND xã.
50.	Quy trình thẩm định phê duyệt phương án ứng phó tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND xã
51.	Quy trình Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa
52.	Quy trình nhận hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước <i>(đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện,)</i>
53.	Quy trình Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương
54.	Quy trình đăng ký kê khai số lượng chăn nuôi tập trung và nuôi trồng thủy sản ban đầu
55.	Quy trình hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do dịch bệnh

56.	Quy trình hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai
VI	LĨNH VỰC CÔNG THƯƠNG (02 QT)
57.	Quy trình thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND xã
58.	Quy trình thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND xã
VII	LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG (01 QT)
59.	Quy trình hòa giải tranh chấp đất đai
VIII	LĨNH VỰC TƯ PHÁP (44 QT)
60.	Quy trình cấp bản sao trích lục hộ tịch
61.	Quy trình đăng ký khai sinh
62.	Quy trình đăng ký kết hôn
63.	Quy trình đăng ký nhận cha, mẹ, con
64.	Quy trình đăng ký đăng ký khai sinh kết hợp nhận cha, mẹ, con
65.	Quy trình đăng ký khai tử
66.	Quy trình đăng ký khai sinh lưu động
67.	Quy trình đăng ký kết hôn lưu động
68.	Quy trình đăng ký khai tử lưu động
69.	Quy trình đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới
70.	Quy trình đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới
71.	Quy trình đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới
72.	Quy trình đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới
73.	Quy trình đăng ký giám hộ
74.	Quy trình đăng ký chấm dứt giám hộ
75.	Quy trình thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch
76.	Quy trình cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân
77.	Quy trình đăng ký lại khai sinh

78.	Quy trình đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân
79.	Quy trình đăng ký lại kết hôn
80.	Quy trình đăng ký lại khai tử
81.	Quy trình liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi
82.	Quy trình liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi
83.	Quy trình cấp bản sao từ sổ gốc
84.	Quy trình chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận
85.	Quy trình chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
86.	Quy trình chứng thực việc sửa đổi, bổ sung hủy bỏ hợp đồng, giao dịch
87.	Quy trình chứng thực việc sửa lỗi sai sót trong Hợp đồng giao dịch
88.	Quy trình cấp bản sao có chứng thực từ bản chính Hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực
89.	Quy trình chứng thực hợp đồng giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở
90.	Quy trình chứng thực di chúc
91.	Quy trình chứng thực văn bản từ chối nhận văn bản
92.	Quy trình chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở
93.	Quy trình chứng thực văn bản khai nhận mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở
94.	Quy trình giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại.
95.	Quy trình công nhận tuyên truyền viên
96.	Quy trình cho thôi làm tuyên truyền viên
97.	Quy trình công nhận hòa giải viên
98.	Quy trình công nhận tổ trưởng tổ hòa giải
99.	Quy trình cho thôi làm hòa giải viên
100.	Quy trình thanh toán thù lao cho hòa giải viên

101.	Quy trình đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước
102.	Quy trình đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước
103.	Quy trình giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi
XI	LĨNH VỰC THANH TRA (04 QT)
104.	Quy trình tiếp công dân
105.	Quy trình xử lý đơn
106.	Quy trình giải quyết khiếu nại lần đầu
107.	Quy trình giải quyết tố cáo
X	LĨNH VỰC GIAO THÔNG VẬN TẢI (07 QT)
108.	Quy trình chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ do UBND xã quản lý
109.	Quy trình cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ do UBND xã quản lý
110.	Quy trình cấp phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác do xã quản lý
111.	Quy trình chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức thi công của nút giao đầu nối vào các tuyến đường do UBND cấp xã quản lý
112.	Quy trình cấp phép thi công nút giao đầu nối vào các tuyến đường do UBND xã quản lý
113.	Quy trình chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ UBND xã quản lý
114.	Quy trình gia hạn chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu, chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ UBND xã quản lý
XI	LĨNH VỰC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ (03 QT)
115.	Quy trình thông báo thành lập tổ hợp tác
116.	Quy trình thông báo thay đổi tổ hợp tác
117.	Quy trình thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác
XII	LĨNH VỰC Y TẾ (02 QT)
118.	Quy trình cấp giấy chứng sinh cho trẻ em sinh ra tại nhà hoặc nơi khác mà không phải là cơ sở khám chữa bệnh
119.	Quy trình xét hưởng chính sách hỗ trợ cho đối tượng sinh con đúng chính sách dân số
XIII	LĨNH VỰC DÂN TỘC (02 QT)

120.	Quy trình công nhận người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số
121.	Quy trình đưa ra khỏi danh sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số